

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 155/2018/DS-ST

Ngày: 04-12-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thắng

Ông Trần Văn Ân

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Mỹ Trang - kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018, số 105/2018/QĐST-DS ngày 15/11/2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**Bị đơn:* Ông Hồ Văn K, sinh năm: 1972;

Bà Nguyễn Thị Z, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn G, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà H, ông G, ông K, bà Z vắng mặt; bà H, ông G có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Vào tháng 7/2013 âm lịch, bà H có cho ông Hồ Văn K mượn số tiền 3.000.000 đồng, khi mượn không có làm giấy tờ gì và cũng không thỏa thuận tiền lãi. Vào ngày 24/12/2013 âm lịch, bà H có cho ông Hồ Văn K và vợ là bà Nguyễn Thị Z mượn 01 cây vàng 24k, trị giá vàng lúc bà H mua là 46.000.000 đồng. Khi mượn ông K và bà Z có viết giấy tay và hứa đến tháng giêng năm 2014 âm lịch sẽ trả vàng lại cho bà H nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Vào ngày 10/4/2014 âm lịch, bà H có bán cho ông K 38 chục dừa, lẻ hai trái (01 chục 12 trái) với giá 105.000 đồng/chục, trị giá là 4.000.000 đồng, lúc mua bán không có làm giấy tờ gì.

Tổng số tiền ông K và bà Z còn nợ bà H là 7.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K. Ông K và bà Z là vợ chồng, vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu ông K và bà Z liên đới trách nhiệm trả cho bà H số tiền 7.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn G trình bày: Vợ ông là bà Nguyễn Thị H có cho ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z số 01 cây vàng 24k. Tuy trong giấy nợ ghi có mượn vợ chồng anh tư G 01 cây vàng nhưng thực chất số vàng này một mình bà H trực tiếp đem đi cho ông K và bà Z mượn, vì vậy ông đồng ý để một mình bà H đứng ra khởi kiện, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này và ông xin vắng mặt.

Bị đơn ông Hồ Văn K, bà Nguyễn Thị Z vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, đồng thời ông bà cũng không có bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào nên trong hồ sơ không có lời trình bày của ông bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bà H, ông G chấp hành đúng, ông K, bà Z không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt trong các lần hòa giải và không tham gia phiên tòa.

-Về nội dung: Đối với yêu cầu ông K và bà Z trả số tiền đã mượn vào tháng 7/2013 (âm lịch) mượn là 3.000.000 đồng và trả tiền mua dừa còn nợ là 4.000.000 đồng. Bà H không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Đối với yêu cầu ông K và bà Z trả 01 lượng (cây) vàng 24k, thì bà H có cung cấp chứng cứ là giấy nhận nợ ngày 24 tháng 12 năm 2013 với nội dung “tôi tên là Hồ Văn K, vợ là Nguyễn Thị Z có mượn vợ cH anh tư G số vàng là 01 cây vàng 24k, tôi hứa tháng giêng tôi trả lại ký tên Hồ Văn K, Nguyễn Thị Z” nên đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

-Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể:

+Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 01 lượng vàng 24K.

+Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z liên đới trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 3.000.000 đồng và số tiền bán dừa là 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay và tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z đây là tranh chấp về dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K và bà Z. Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn G có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 228, Điều 238 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu ông K và bà Z trả số tiền đã mượn vào tháng 7/2013 (âm lịch) mượn là 3.000.000 đồng và trả tiền mua dừa còn nợ là 4.000.000 đồng. Bà H không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

- Đối với yêu cầu ông K và bà Z trả 01 lượng (cây) vàng 24k, thì theo hồ sơ thể hiện bà H có cung cấp chứng cứ là giấy nhận nợ ngày 24 tháng 12 năm 2013 với nội dung “tôi tên là Hồ Văn K, vợ là Nguyễn Thị Z có mượn vợ CH anh tư G số vàng là 01 cây vàng 24k, tôi hứa tháng giêng tôi trả lại ký tên Hồ Văn K, Nguyễn Thị Z”. CH bà H là ông Phạm Văn G, ông G thứ tư nên thường gọi là ông tư G. Ông G có văn bản đồng ý trình bày lúc cho mượn vàng chỉ một mình bà H cho ông K và bà Z mượn nên ông đồng ý cho bà H đứng ra khởi kiện ông K và bà Z, ông không có ý kiến gì. Như vậy bà H có đủ tư cách khởi kiện. Nội dung giấy thể hiện ông K và bà Z thừa nhận có mượn của vợ CH bà H 01 cây vàng 24k và hứa đến tháng giêng trả lại nhưng đến nay chưa trả. Ngày ghi trên giấy nợ là ngày 24/12/2013 âm lịch, giấy nợ không ghi rõ tháng giêng năm

nào thì được hiểu là tháng giêng gần nhất là tháng giêng năm 2014. Như vậy đã qua thời gian thực hiện nghĩa vụ mà ông K và bà Z chưa trả nợ nên bà H có quyền khởi kiện. Tính từ tháng giêng năm 2014 đến ngày khởi kiện 29/6/2018 đã hơn 04 năm, đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên bà H, ông G, ông K, bà Z không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử tiếp tục xem xét giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Tòa án đã thông báo cho ông K và bà Z yêu cầu khởi kiện của bà H và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện nhưng ông K và bà Z không đến Tòa theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như giấy triệu tập tham gia phiên tòa cũng không gửi bất kỳ văn bản phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Căn cứ vào giấy nợ là ngày 24/12/2013 do bà H cung cấp có đủ cơ sở xác định ông K và bà Z có mượn của bà H 01 lượng (cây) vàng 24k. Xét yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở nên được chấp nhận. Do giá vàng tại thời điểm bà H mua, thời điểm cho mượn vàng và tại thời điểm xét xử có sự chênh lệch nên cần buộc ông K và bà Z trả vàng cho bà H là phù hợp. Giá vàng 24k tại thời điểm xét xử là 34.640.000 đồng/lượng vàng là cơ sở để tính án phí trong vụ án.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận là $7.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 350.000$ (ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z phải nộp án phí có giá ngạch là $34.640.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.732.000$ (một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184, 227, 228, 238, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; Căn cứ vào các Điều 288, 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 01 lượng vàng 24K.

[2] Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z liên đới trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 3.000.000 (ba triệu) đồng và số tiền bán dừa là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị Z phải liên đới nộp số tiền án phí là 1.732.000 (một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí là 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.325.000 (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018296 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chi cục thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 975.000 (chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[3] Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan